

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30/7/2020

“V/v: Hôn nhân và Gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH PT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Trần Quốc Toàn.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Côn -Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh PT tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiệp, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:121/2020/TLST- HNGĐ, ngày 20/5/2020 về việc “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm M 2, xã MT, huyện TS, tỉnh PT, có mặt.

Bị đơn: Chị **Hoàng Thị D**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Xóm M 2, xã MT, huyện TS, tỉnh PT, vắng mặt.

Hiện ở Khu T, xã TN, huyện TS, tỉnh PT.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2020 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011 anh kết hôn với chị Hoàng Thị D có Đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện TS, tỉnh PT. Trước khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Kể từ thời điểm đó đến nay, anh chị đã sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT giải quyết cho chị được ly hôn chị Hoàng Thị D.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung cháu Nguyễn Ngọc H sinh ngày 01/9/2012 . Khi ly hôn anh xin được nuôi cháu H, anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Hoàng Thị D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần trực tiếp đến gia đình chị D để thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp cho chị D và người thân của chị.

Cụ thể việc cấp tổng đạt như sau: Ngày 22/5; 24/6; 16/7/2020 (*thể hiện tại bút lục 16;30;32*) Tòa án cùng với chính quyền địa phương đã gặp trực tiếp Mẹ đẻ chị D là bà Đào Thị N để giao các văn bản tố tụng cho chị D nhưng chị D không có mặt theo các giấy báo của Tòa án. Do đó, ngày 08 tháng 6 năm 2020 Tòa án đã có biên bản làm việc, biên bản xác Minh với Mẹ đẻ chị D; bà Trưởng khu và ông Phó Chủ tịch UBND xã nơi chị D cư trú để xác định về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân mâu thuẫn của anh H; chị D để làm căn cứ giải quyết vụ án theo qui định (*thể hiện tại bút lục 27;28*).

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh PT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Việc nhận đơn, thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, Bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên không tiến hành hòa giải được, nhưng đã được Thẩm phán thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Bị đơn theo khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT xét xử vắng mặt Bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Xét về hôn nhân thực tế của anh H; chị D là không còn khả năng duy trì hạnh phúc mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh H được ly hôn chị D là phù hợp.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung cháu Nguyễn Ngọc H sinh ngày 01/9/2012. Khi ly hôn anh xin được nuôi cháu H, anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại cháu H đang ở cùng anh H và nguyện vọng của cháu là được ở cùng với anh H, nên cần giao cháu Nguyễn Ngọc H cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung; công nợ và công sức: Anh H không đặt ra giải quyết và trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị D không có mặt nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về trình tự, thủ tục tố tụng:** Anh H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT cho anh xin được ly hôn với chị Hoàng Thị D. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT.

[2] Về việc vắng mặt Bị đơn: Tại phiên tòa ngày hôm nay Bị đơn anh chị Hoàng Thị D vắng mặt, tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị D. Căn cứ vào khoản 5 Điều 177, khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa

án nhân dân huyện TS, tỉnh PT xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Năm 2011, anh H; chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân kinh tế gia đình khó khăn chị D đã rời nhà chồng để về nhà Bố; Mẹ đẻ chị D ở xã TN, huyện TS làm ăn dẫn đến việc ly thân từ năm 2016 đến nay. Kể từ thời điểm ly thân, hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh H; chị D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu của anh H xử cho anh được ly hôn chị Hoàng Thị D là phù hợp.

[4] **Về nuôi chung:** Anh H; chị D có một con chung cháu Nguyễn Ngọc H sinh ngày 01/9/2012, hiện đang ở cùng anh H và nguyện vọng của cháu là được ở cùng với Bố nên cần giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc H là phù hợp với nguyện vọng của cháu và phù hợp với khoản 2 Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Do anh H không yêu cầu và chị D vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] **Về tài sản chung; công nợ và công sức:** Do anh H không yêu cầu và chị D vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Nếu sau này các đương sự có yêu thì có thể khởi kiện vụ án theo quy định.

[7] **Về án phí:** Anh H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 1; 2 Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Hoàng Thị D.

2. Về con chung: Giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc H sinh ngày 01/9/2012 kể từ tháng 8 năm 2020 đến khi thành niên, lao động tự túc được. Chị D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; công nợ và công sức: Do anh H không yêu cầu và chị D vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu thì có thể khởi kiện vụ án theo quy định.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh PT 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai thu số 0000951 ngày 20/5/2020.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ Bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND xã TN, huyện TS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Chí